

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân
2. Ông Nguyễn Phi Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thu C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Tân Th, xã An Nh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp An H, xã An Nh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thu C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H trên cơ sở tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng không có

đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2000 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, dần dần làm cho tình cảm phai nhạt, không còn hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không đạt được và vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên chị C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thu C với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Hồng H, sinh ngày 02/6/1998, hiện cháu H đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị C. Anh H và chị C quen biết nhau sau đó có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2000 đến nay.

Nay anh H cũng không còn tình cảm với chị C. Anh cũng đồng ý theo yêu cầu của chị C, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Hồng H, sinh ngày 02/6/1998, hiện cháu H đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo:

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Chị C và anh H sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chứng minh qua việc chị C và anh H đã không còn sống chung từ năm 2000 cho đến nay. Tuy nhiên, chị C và anh H không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó đề

ngợi Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thu C và anh Phạm Văn H.

Về con chung: Chị C và anh H có 01 con chung là Phạm Hồng H, sinh ngày 02/6/1998, hiện cháu H đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh H trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thu C và anh Phạm Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị C và anh H trên cơ sở tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự thống nhất trình bày: Chị C và anh H sống chung từ năm 1994, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2000 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, dần dần làm cho tình cảm phai nhạt, không còn hạnh phúc nên chị C và anh H sống ly thân từ năm 2000 đến nay.

Vì chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không đạt được và vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên chị C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thu C với anh Phạm Văn H và anh H cũng thống nhất theo yêu cầu của chị C.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống vợ chồng giữa chị C và anh H không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đủ điều kiện để cho ly hôn. Tuy nhiên, do chị C và anh H chưa đăng ký kết hôn nên chưa được pháp luật thừa nhận, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thu C và anh Phạm Văn H là phù hợp với pháp luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh H xác định trong thời gian chung sống có 01 con chung tên là Phạm Hồng H, sinh ngày 02/6/1998, hiện cháu H đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị C chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thu C và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Do cháu Phạm Hồng H đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thu C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002916 ngày 24/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình

